

I. NEW WORDS.

build (v)	/ bɪld /	xây dựng
consider (v)	/ kən'sɪdər /	coi như
consist of (v)	/ kən'sɪst əv /	bao hàm/gồm
construct (v)- construction (n)	/ kən'strʌkt /	xây dựng
doctor's stone tablet (n)	/ 'dɒktərz stəʊn 'tæblət /	bia tiến sĩ
erect (v)	/ i'rekt /	xây dựng lên, dựng lên
erection (n)	/ ɪ'rekʃn /	
found (v)	/ faʊnd /	thành lập
foundation (n)	/ faʊn'deɪʃn /	
grow (v)	/ grəʊ /	trồng, mọc
Imperial Academy (n)	/ ɪm'prɪəriəl ə'kædəmi /	Quốc Tử Giám
Khue Van Pavilion (n)	/ 'pævɪljən /	Khuê Văn Các
locate (v)	/ ləʊ'keɪt /	đóng, đặt, để ở một vị trí
pagoda (n)	/ pə'gəʊdə /	chùa
Recognize (v)	/ 'rekəɡnaɪz /	chấp nhận, thừa nhận
regard (v)...as	/ rɪ'ɡɑ:d /	đánh giá, coi như
relic (n)	/ 'relɪk /	di tích
site (n)	/ saɪt /	địa điểm
statue (n)	/ 'stætʃu: /	tượng
surround (v)	/ sə'raʊnd /	bao quanh, vây quanh
take care of (v)	/ teɪ keər əv /	trông nom, chăm sóc
Temple of Literature (n)	/ 'templ əv 'lɪtərɪtʃə /	Văn Miếu
World Heritage (n)	/ wɜ:ld 'herɪtɪdʒ /	Di sản thế giới
architect (n)	/ 'ɑ:kɪtekt /	Kiến trúc
architectural (adj)	/ ,ɑ:kɪ'tektʃərəl /	